

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2022

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-CAF**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2022: 10.797.931,20 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-CAF sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 đã được Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2021 của Quỹ thông qua vào ngày 25/04/2022.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày chi tiết tại *Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF* ký ngày 31/03/2022 đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info_disclosure_doc/4.%20Thong%20bao%20ve%20viiec%20sua%20doi%20C%20bo%20sung%20Dieu%20le%20Quy%20DFVN-CAF.pdf; trong đó nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ liên quan đến quy định về chi phí hoạt động của Quỹ, định nghĩa và tiêu chí lựa chọn của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, chi tiết về giao dịch Chứng chỉ Quỹ (lệnh bán, phương thức thanh toán, mua lại một phần Chứng chỉ Quỹ, ...)

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 25/04/2022, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua các nội dung liên quan đến Ban Đại diện Quỹ:
 - ✓ Thông qua danh sách thành viên Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2022-2027, bao gồm (1) ông Đỗ Hùng Việt; (2) Ông Huỳnh Văn Dũng và (3) Ông Nguyễn Gia Huy Chương;
 - ✓ Bổ nhiệm Ông Đỗ Hùng Việt giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2022-2027;

- ✓ Thông qua tổng thù lao Ban Đại diện Quỹ 5.000.000 VNĐ/tháng/người và tổng thù lao trong năm 2022 là 180.000.000 VNĐ.
- Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, PWC và Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“**thông tư 98**”):

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng và quý của Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
1. Cổ phiếu niêm yết	93,00	91,92	96,17
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	6,27	7,60	2,99
3. Tài sản khác	0,73	0,48	0,84
Cộng	100,00	100,00	100,00

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

Ngành	DFVN-CAF		
	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
Tài chính	31,21	32,89	34,5
Bất động sản	3,56	19,87	18,9
Hàng tiêu dùng	14,05	9,13	12,6
Bán lẻ	4,40	3,78	5,1
Công nghiệp	8,49	6,55	9,3
Công nghệ thông tin	6,37	3,47	2,1
Vật liệu xây dựng	6,71	6,42	2,2
Tiện ích	16,14	9,88	7,1
Năng lượng	6,30	5,69	5,4
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	132.813.824.473	155.356.470.595	102.601.036.261
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	12.299,93	16.422,82	12.627,67
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	10.797.931,20	9.459.789,45	8.125.094,24
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	16.789,71	16.605,09	12.627,67
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	11.501,69	11.909,83	7.497,48

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
Tổng thu nhập của Quỹ	(37.607.055.577)	36.987.568.059	20.796.822.396
<i>Cổ tức được chia</i>	2.923.479.800	1.749.523.140	1.782.246.298
<i>Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư</i>	(9.375.643.099)	40.559.572.673	1.273.740.445
<i>Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</i>	(31.267.791.791)	(5.382.420.223)	17.728.961.905
<i>Các khoản thu nhập khác</i>	112.899.513	60.892.469	11.873.748
Tổng chi phí của Quỹ	3.999.149.741	4.117.781.668	2.670.001.142
Tổng lợi nhuận của Quỹ	(41.606.205.318)	32.869.786.391	18.126.821.254

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (%)	Năm 2021 (%)	Năm 2020 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	1,50	1,50	1,50
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,30	0,37	0,52
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,21	0,26	0,48
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,11	0,12	0,18
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,12	0,14	0,21
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2,77	3,13	3,47
Tốc độ vòng quay danh mục	192,58	267,95	180,62

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Từ ngày thành lập đến 31/12/2019
Tổng lợi nhuận (VND)	(41.606.205.318)	32.869.786.391	18.126.821.254	3.233.565.204

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ tính từ ngày thành lập (3/1/2019) tới ngày lập báo cáo: 3.155.991.883 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
	2022	2021	2020
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	94.597.894.500	81.250.942.400	77.475.804.900

Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	9.459.789,45	8.125.094,24	7.747.580,49
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	2.009.317,97	1.756.943,06	553.890,99
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	20.093.179.700	17.569.430.600	5.538.909.900
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(671.176,22)	(422.247,85)	(176.377,24)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(6.711.762.200)	(4.222.478.500)	(1.763.772.400)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	107.979.312.000	94.597.894.500	81.250.942.400
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	10.797.931,20	9.459.789,45	8.125.094,24
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	69,94	77,53	89,74
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	71,82	80,38	92,01
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	64,83	74,00	86,15
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	1.097	1.019	346
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	12.299,93	16.422,82	12.627,67

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. **Khuyến cáo:** Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

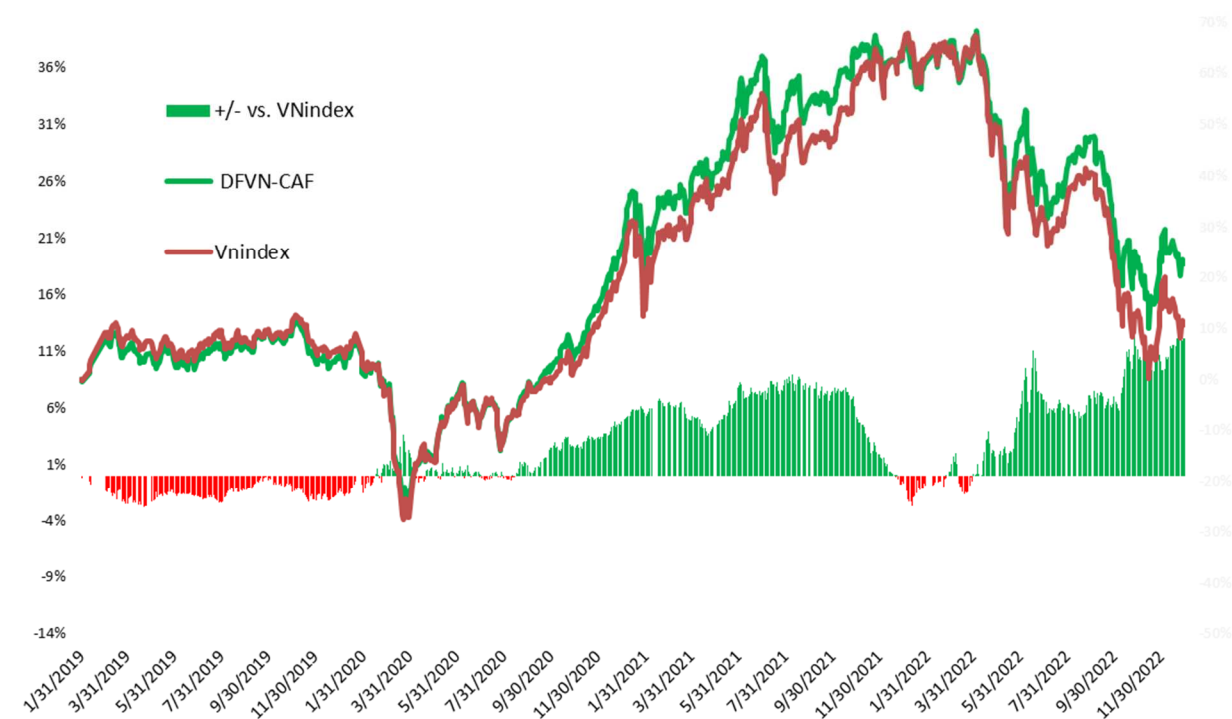
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *(thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ)*

Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt từ cuối năm 2020.

Trong năm 2021, dòng tiền ngắn hạn đổ vào thị trường và một số mã cổ phiếu mang tính chất đầu cơ đã tăng giá mạnh đẩy chỉ số VN-index tăng cao không bền vững. Do đó Quỹ đã có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ chủ yếu nắm giữ các mã cổ phiếu cơ bản dài hạn.

Thị trường chứng khoán trong năm 2022 chứng kiến sự điều chỉnh mạnh khi dòng tiền đã rút ra sau nhịp tăng trưởng nóng trong năm 2021. Nhà đầu tư đã quay lại với sự lựa chọn cơ bản và giá trị nên các cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt đã thu hút dòng tiền và Quỹ có mức tăng trưởng lợi nhuận (performance) tốt hơn so với chỉ số VN-index.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị);



(Ghi chú: Quỹ hoàn tất giải ngân từ ngày 31/01/2019)

30/12/2022	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng	2022	2021	2020	Từ lúc giải ngân (10/01/2019)
DFVN-CAF	-1.83%	-6.60%	-11.23%	-24.94%	-25.10%	30.05%	20.98%	23.00%
VN-Index	-3.94%	-11.04%	-15.91%	-32.51%	-32.78%	35.73%	14.87%	12.11%
VN100	-2.24%	-12.92%	-18.78%	-35.58%	-36.62%	47.94%	21.56%	17.42%
So với VN-Index	2.11%	4.44%	4.67%	7.57%	7.68%	-5.68%	6.11%	10.89%

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): không áp dụng

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. (Trường hợp có sự

khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ):

Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- *Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh*
- *Có tình trạng tài chính lành mạnh*
- *Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt*
- *Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.*

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Sau biến cố đại dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020, Thị trường chứng khoán đã có bước phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2021. Tuy nhiên, dòng tiền đổ mạnh vào kênh đầu tư chứng khoán, trong đó có một phần mang tính chất đầu cơ ngắn hạn. Thanh khoản trên thị trường chứng khoán tăng mạnh gấp hơn 2 lần so với trước đó, đẩy giá trị giao dịch trung bình trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) lên 30 nghìn tỷ đồng một phiên. Điều này cho thấy ngoài phản ánh sự phục hồi của nền kinh tế sau dịch, thị trường chứng khoán còn bị đẩy lên do dòng tiền nóng có tính chất ngắn hạn. Qua năm 2022, thị trường chứng khoán có bước điều chỉnh mạnh, đặc biệt là từ Quý 2 khi tâm lý của nhà đầu tư bị ảnh hưởng tiêu cực do tác động của các yếu tố tiêu cực trên thế giới cũng như trong nước và bên cạnh đó là các sự kiện điều tra, bắt giữ.

Danh mục đầu tư của Quỹ cũng đã được cơ cấu lại, chuyển sang tăng mạnh tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngành tiêu dùng, công nghệ thông tin, và nguyên vật liệu; trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản và dịch vụ tài chính ngân hàng trước xu hướng tăng lãi suất trước áp lực lạm phát trong nước cũng như toàn cầu.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31/12/2022 đạt 12.299,93 giảm 25,10% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2021 là 16.422,82. Mức giảm này phản ánh bước điều chỉnh mạnh, đặc biệt là trong Quý 2 khi tâm lý của nhà đầu tư bị ảnh hưởng tiêu cực do tác động của các yếu tố tiêu cực trên thế giới cũng như trong nước. Ngoài ra, mức giảm mạnh này cũng phản ánh yếu tố dòng tiền ngắn hạn trong năm 2021, đặc biệt trong quý 3, quý 4 đã đẩy chỉ số VN-index lên mức cao kỷ lục. Các động thái điều tra bắt giữ trong ngắn hạn đã tác động tiêu cực lên tâm lý nhà đầu tư nhưng tốt cho sự phát triển lành mạnh cho thị trường về lâu dài.

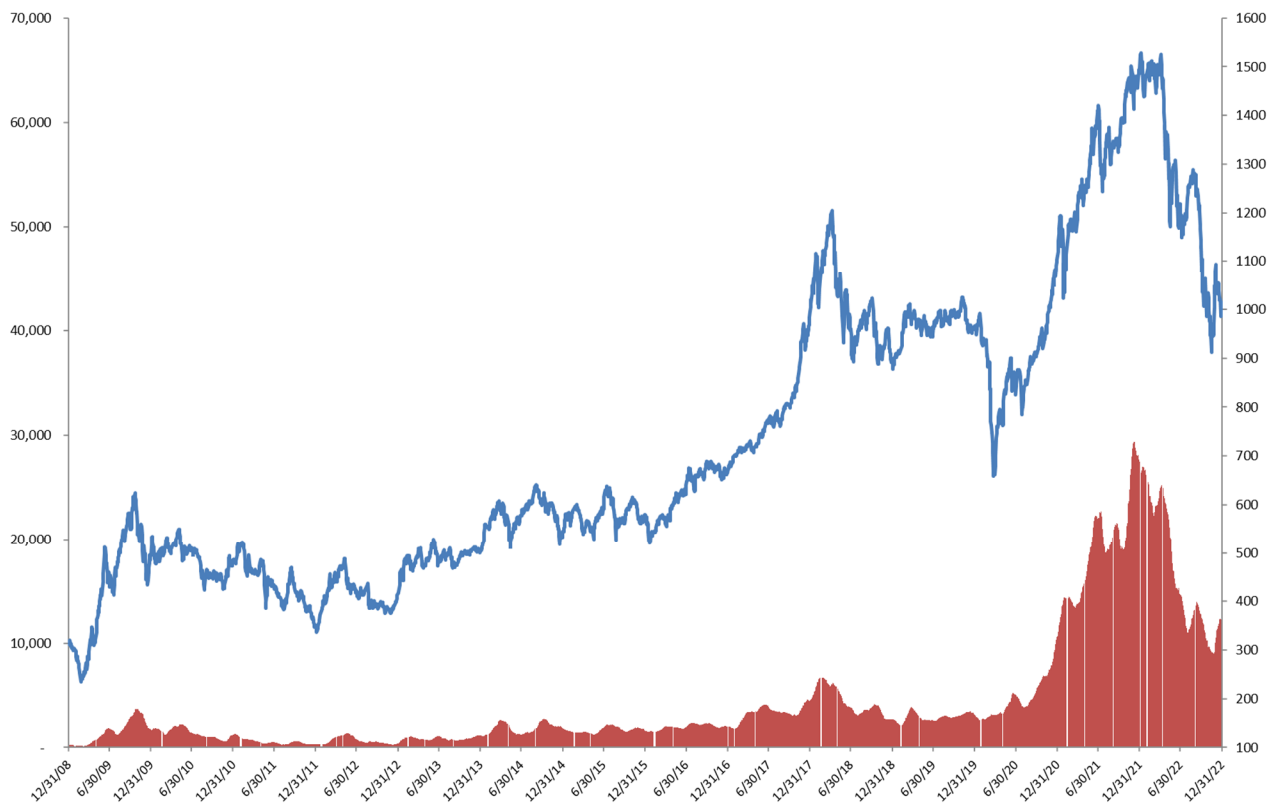
Trong năm 2022, Quỹ có mức giảm thấp hơn so với chỉ số VN-index giảm 32,78% nhờ tăng mạnh

tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngành tiêu dùng (MSN, VNM, SAB, VHC), công nghệ thông tin (FPT), và nguyên vật liệu; trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản (nhóm VinGroup, NVL) và dịch vụ tài chính ngân hàng trước xu hướng tăng lãi suất trước áp lực lạm phát trong nước cũng như toàn cầu. Ngoài ra, Quỹ không đầu tư các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ ngắn hạn.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen nhau. Sự thuận lợi được phản ánh khi thị trường chứng khoán trong quý 1 năm 2022 tăng trưởng tốt có lúc đạt kỷ lục với VN-index là 1.525 điểm. Tuy nhiên với các khó khăn trong tháng 3 trở đi bao gồm (1) yếu tố bên ngoài với khủng hoảng địa chính trị giữa Nga và Ukraina, nhiều quốc gia thắt chặt tiền tệ chống áp lực lạm phát và lãi suất tăng mạnh; (2) trong nước với hàng loạt vụ án liên quan đến thao túng chứng khoán và phát hành trái phiếu sai quy định được các cơ quan chức năng xử lý làm giảm

niềm tin của các nhà đầu tư; các chỉ số vĩ mô càng về cuối năm đã không còn giữ ổn định so với đầu năm..., các khó khăn này đã tác động tiêu cực đến thị trường, VN-index đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2022 lùi về mốc 1.007 điểm, giảm mạnh 32,8% so với đầu năm 2022. Thanh khoản của toàn thị trường không còn được duy trì, với giá trị giao dịch giảm từ mức trung bình gần 22.000 tỷ đồng trên một phiên giao dịch năm 2021 xuống 17.160 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 22%. Mặc dù các nhà đầu tư nước ngoài đã quay lại thị trường, đặc biệt là đối với dòng vốn ngoại đầu tư vào thị trường Việt Nam thông qua các quỹ danh mục hoán đổi (“ETF”) tuy nhiên quy mô còn khá hạn chế.

Ngoài ra, với mong muốn phát triển thị trường chứng khoán được minh bạch, hướng dòng tiền của nền kinh tế vào lĩnh vực sản xuất, giảm dần đầu cơ vào các kênh tài sản như chứng khoán, bất động sản, chính phủ đã bắt đầu kiểm soát các giao dịch bất hợp pháp trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu kém chất lượng đã phát hành trong thời gian qua. Nhiều cá nhân và tổ chức đã bị xem xét xử lý hình sự liên quan đến các hoạt động trên. Trong ngắn hạn đã gây tâm lý tiêu cực đến thị trường, dẫn đến những biến động mạnh từ Quý 2 đến nay. Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện sau khi hoạt động sản xuất gần như đã trở lại bình thường, gói kích thích kinh tế trị giá 350.000 tỷ đã được Quốc Hội thông qua và tiếp tục được Chính Phủ triển khai trong năm 2023, các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Mặc dù vậy nhưng nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu thế giới giảm, giá cả đầu vào tiếp tục duy trì mức cao, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp là hạn chế khi các Ngân hàng đã siết chặt các điều kiện cho vay cũng như chính sách hạn chế tăng trưởng tín dụng của NHNN.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, điều hành giảm giá xăng dầu, thị trường chứng khoán sẽ dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

- Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá giao động trong biên độ không quá lớn, tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ kinh tế mới cùng với nhiệm kỳ mới của Chính Phủ.
- Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu (“PER”) hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (“ROE”), mức sinh lời trên tài sản (“ROA”)

khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2022-2023 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã được Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ năm 2021.

Trong ngắn hạn, chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro vĩ mô có thể tiếp tục xấu đi và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam cũng như trên toàn thế giới: lạm phát đã tăng cao ở hầu hết các nền kinh tế lớn, bong bóng tài sản có dấu hiệu được thổi phồng khắp nơi trên thế giới do các chính sách ồ ạt nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế phục hồi tăng trưởng hậu Covid-19, môi trường lãi suất tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ, bất ổn địa chính trị là những ẩn số không lường trước được. Đối với trong nước, rủi ro thị trường trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa đo lường hết quy mô và bức tranh rủi ro ngày càng rõ ràng hơn. Việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng như hiện nay được đánh giá là nhiệm vụ khá thách thức cho Chính Phủ.

Trong dài hạn, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại trong tầm kiểm soát.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *không có*

VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: Không có.
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
 - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: Không có.
 - 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.
3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có.
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có.

Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2021	: 9.459.789,45 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	: 2.009.317,97 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	: 671.176,22 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12 /2022	: 10.797.931,20 CCQ

5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà Ngân hàng Giám sát phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2022:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận (%)	Tỷ lệ so với thu nhập (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (%)
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở	0,35	0,39	3,63
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	0,39	0,43	4,04

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

4.1. Bên nhận Ủy quyền - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Các hoạt động ủy quyền bao gồm dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngân hàng HSBC cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ đến hết kỳ giao dịch ngày 12 tháng 7 năm 2022.

Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở (VND)	145.200.007
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND)	101.969.986
Tổng cộng (VND)	247.169.993

4.2. Bên nhận Ủy quyền - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Từ kỳ giao dịch ngày 19 tháng 7 năm 2022, Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được cung cấp bởi VSD:

Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND)	59.612.903
Tổng cộng (VND)	59.612.903

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) (VSD bắt đầu cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng kể từ kỳ giao dịch ngày 19/07/2022, trước đó là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh